

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 6 - 2017

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về*

Nuôi con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý A Tùng

2. Bà Lò Thị Dậu

- *Thư ký phiên tòa:* ông Nguyễn Trọng Thề - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tửa Chùa, tỉnh Điện Biên

Ngày 16 tháng 06 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tửa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2017 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Điều Thị Th – Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố TL1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên

Nơi làm việc: Trường mầm non S, huyện Tửa Chùa, tỉnh Điện Biên/có mặt

2. *Bị đơn:* anh Hồ Văn T – Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố TL2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên

Nơi làm việc: Trường THCS và THPT TST, huyện T, tỉnh Điện Biên/ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn chị Điều Thị Th trình bày: chị và anh Hồ Văn T chung sống với nhau từ năm 2015 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 21/12/2015, do anh T không chăm lo cho cuộc sống chung của gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con, mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh Hồ Văn T vẫn không thay đổi dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2016 cho đến nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Hồ Văn T

Về con chung: Hai người có 01 con chung là cháu Hồ Trung H- Sinh ngày 13/9/2016, hiện nay chị Th đang chăm sóc nuôi dưỡng; đề nghị Tòa án giao cho chị

chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng là 2.000.000đ một tháng đến khi cháu đủ 18 tuổi, hình thức cấp dưỡng trả vào ngày 15 hàng tháng. Về con riêng: anh Hồ Văn T có 01 con riêng hiện nay cháu đang ở cùng với bà nội nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, tài sản riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22 tháng 5 năm 2017 chị Th có đơn xin thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đồng một tháng.

Trong bản khai của bị đơn viết ngày 01/4/2017 gửi Tòa án, bị đơn anh Hồ Văn T nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, cuộc sống chung của hai vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bị đơn nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn và đồng ý để nguyên đơn nuôi con chung, về cấp dưỡng anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 800.000đ/1 tháng đến tháng 10/2019, từ tháng 11/2019 mức cấp dưỡng 500.000đ/1 tháng, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ bị đơn vắng mặt không có lý do, bị đơn cũng không có ý kiến gì về các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa mở ngày 09/6/2017 bị đơn vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/1 tháng, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, xét thấy bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điều Thị Th và anh Hồ Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, bị đơn không quan tâm chăm lo xây dựng gia đình. Căn cứ theo trình bày của các bên, xác định tình cảm của các bên đến nay không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Về yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn, bị đơn cũng nhất trí, do đó việc chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: hai người có 01 con chung là cháu Hồ Trung H (sinh ngày 13/9/2016), nguyên đơn yêu cầu được nuôi con, bị đơn cũng nhất trí, xét thỏa thuận của các bên phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều

81 của luật Hôn nhân và gia đình, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận sự tự nguyện của các bên, giao cháu Hồ Trung H cho chị Điều Thị Th chăm sóc nuôi dưỡng.

Về con riêng: anh Hồ Văn T có 01 con riêng là cháu Hồ Trí D (sinh ngày 25/9/2013) hiện nay cháu đang ở cùng với bà nội, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xem xét yêu cầu cuối cùng của Nguyên đơn tại phiên tòa, yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ một tháng. Hội đồng xét xử xét thấy Bị đơn hiện là giáo viên Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông TST, huyện T, mức lương hàng tháng thực lĩnh hiện nay là 8.563.957đ/1 tháng, về cấp dưỡng nuôi con chung bị đơn cũng nhất trí, do đó HĐXX cần buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về mức cấp dưỡng, hiện nay bị đơn đang ở tập thể trong trường và còn có trách nhiệm nuôi 01 con riêng là cháu Hồ Trí D, do đó hoàn cảnh kinh tế của bị đơn cũng có nhiều khó khăn, do đó Hội đồng xét xử thấy yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng của nguyên đơn là phù hợp và cần buộc bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đồng một tháng; Về hình thức, phương thức cấp dưỡng cần chấp nhận theo yêu cầu của Nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.,

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân: Chị Điều Thị Th được ly hôn với anh Hồ Văn T

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hồ Trung H (Sinh ngày: 13/9/2016) cho chị Điều Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc.

Buộc anh Hồ Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi cháu Hồ Trung H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, mức cấp dưỡng 1.000.000đ/01 tháng (một triệu đồng

một tháng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian trả tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2017

3. Về án phí: Chị Điều Thị Th phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tủa Chùa theo Biên lai số AA/2010/00622, chị Th đã nộp đủ.

Anh Hồ Văn T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tủa Chùa;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đại Cường, huyện Kim Bảng;
- Tỉnh Hà Nam
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu HSVA

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn